

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2024/DS-PT

Ngày: 26/01/2024

V/v tranh chấp: “Xác định di sản thừa kế; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận sở hữu công trình xây dựng; yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng, chứng thực vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Đoan**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Ông **Trương Vĩnh Hữu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 và ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 381/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Xác định di sản thừa kế; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận sở hữu công trình xây dựng; yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng, chứng thực vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 851/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: số D đường T, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Minh T - Công ty L2.

Địa chỉ: 7 đường F, phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

2. Bà Diệp Lê Hải L, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1955

Địa chỉ: ấp khu phố Cầu Xéo, xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

2. Ông Nguyễn Huy H1, sinh năm 1957

Địa chỉ: số A Đ, khu phố F, phường I, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

4. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964

Địa chỉ: số F P, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

5. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

6. Bà Nguyễn Thị Cẩm H2, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp khu phố Cầu Xéo, xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

7. Ông Nguyễn Vĩnh T2, sinh năm 1973

Địa chỉ: số F Q, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy T3, sinh năm 1966 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 2 Đ, phường F, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Theo các văn bản ủy quyền ngày 18/02/2020; ngày 03/01/2020; ngày 09/01/2020; ngày ngày 06/01/2020; ngày 06/01/2020; ngày 04/01/2020.

Địa chỉ liên lạc: số D đường T, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ngân hàng thương mại cổ phần X1 (E)

Địa chỉ: tầng H, Văn phòng số L+16 Tòa nhà V, số G L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc N- Cán bộ tổ XLN & QLKTTS KV Miền Tây Nam Bộ theo giấy ủy quyền số 1050/2023/EIBA/UQ/TGD ngày 06/6/2023 (Có mặt)

9. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Ú – Chủ tịch.

Địa chỉ: Khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

10. Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện: Ông Trần Hữu T4 – Phó Chủ tịch (Vắng mặt).

11. Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H3 – Cục trưởng.

Địa chỉ: số A Rạch G, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

12. Phòng C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Yên H4 – Trưởng phòng (Vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố B, phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

13. Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện C, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn Nguyễn Thị O, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu D, Nguyễn Huy H1, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Vĩnh T2, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Cẩm H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày: Cha bà tên Nguyễn Văn X(D) chết năm 2000, mẹ tên Nguyễn Thị Hằng N1 chết năm 2005, không để lại di chúc. Cha mẹ có 09 người con gồm: Nguyễn Hữu D, Nguyễn Huy H1, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Cẩm H2, Nguyễn Quang H và Nguyễn Vĩnh T2.

Di sản của cha mẹ gồm: thửa đất số 37 có diện tích 1.827m² thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ HTC2, loại đất XD tại ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nhà máy X2 gia công lúa tên D1 nằm trên thửa đất 37.

Năm 2013 bà phát hiện các di sản trên đã sang tên cho Nguyễn Quang H và vợ là Diệp Lê Hải L trên cơ sở có Biên bản phân chia thừa kế ngày 22/9/2000

và Tờ nhường quyền hưởng di sản được Văn phòng C1 chứng thực ngày 18/9/2000 nhưng bà không có ký tên.

Ngoài ra hiện nay Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C đang giữ tiền bồi thường dự án điện mạch 2 đường dây 220KW Cai Lậy – Trà Nóc với tiền 1.176.810.623 đồng. Bà yêu cầu khởi kiện như sau:

- Tuyên bố vô hiệu biên bản phân chia thừa kế quyền sử dụng đất ngày 18/9/2000 của UBND xã H chứng thực ngày 22/9/2000.

- Tuyên bố vô hiệu tờ nhường quyền hưởng di sản(Cơ sở xây sát P) do Phòng C số 3 tỉnh Tiền Giang lập và chứng thực ngày 18/9/2000.

- Xác định các tài sản gồm: Công trình xây dựng là nhà xưởng có diện tích 1.634,48m² có kết cấu cột bê tông, vách tường, mái tole nằm trên thửa đất số 37 và phần đất có diện tích 1.827m² thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ HTC2, loại đất XD tại ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản do cụ Nguyễn Văn X và Nguyễn Thị Hằng N1 chết để lại chưa chia.

- Tuyên hủy các quyết định cá biệt: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01 QSDĐ ngày 30/10/2000 do UBND huyện C cấp cho Nguyễn Quang H; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 82819283900119 ngày 09/4/2008 do UBND huyện C cấp cho Nguyễn Quang H và Diệp Lê Hải L.

- Xác định số tiền 1.176.810.623 đồng chi trả bồi thường do đường dây cao thế đi qua tài sản là công trình nhà máy X2 tại ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang(theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01QSDĐ ngày 30/10//2000, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 82819283900119 ngày 09/4/2008) là di sản thừa kế do cụ X và Hằng N1 chết để lại, được chia đều cho các đồng thừa kế, theo đó bà được chia 130.756.736 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà O, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà xin rút lại yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền được chia là 130.756.736 đồng trong số tiền 1.176.810.623 đồng chi trả bồi thường đường dây điện cao thế. Các yêu cầu còn lại bà vẫn giữ nguyên.

- *Bị đơn ông Nguyễn Quang H trình bày:* Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà O do ông đã được công chứng hợp pháp, còn số tiền bồi thường dây cao thế ông chưa nhận do chờ Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết.

Tại biên bản phiên họp và kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận , công khai chứng cứ ngày 12/12/2022 ông H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà O nhưng ông đồng ý chia cho bà O 01 phần trong di sản thừa kế, còn lại ông trả nợ ngân hàng.

- Bị đơn bà Diệp Lê Hải L không có lời trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm H2 trình bày: Bà biết việc ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận sở hữu công trình xây dựng. Bà là người trực tiếp kinh doanh, quản lý sử dụng phần tài sản tranh chấp. Khi ông H vay ngân hàng bà không biết, đến khi không có khả năng trả nợ Ngân hàng lên bà mới biết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang trình bày: Bản án số 03/2015/QĐ-PT ngày 16/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang có hiệu lực pháp luật được Cục thi hành án rút lên thi hành theo quyết định số 47/ QĐ- CTHA.RHS ngày 29/9/2015 với nội dung: Buộc ông Nguyễn Quang H, cư ngụ: ấp Khu phố C, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP X1- Chi nhánh M số tiền 9.589.478.519 đồng và lãi phát sinh tính theo mức lãi suất tại các hợp đồng tín dụng. Tài sản thế chấp được xử lý để đảm bảo thi hành án.

Quá trình tổ chức thi hành án đương sự không tự nguyện thi hành nên Cục thi hành án đã tiến hành kê biên, thẩm định giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất gắn liền với nhà xưởng có diện tích 1.827m²(đo đạc thực tế 1.804,4m²) loại đất xây dựng, tại thửa 37, tờ bản đồ HTC2(thửa mới số 25, tờ bản đồ HTC5) tại ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01.QSĐĐ ngày 30/10/2000 và giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình ngày 09/4/2008 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông H đứng tên quyền sử dụng đất, nhà xưởng cấp cho ông H và bà L đứng tên sở hữu. Giá trị tài sản kê biên là 8.546.731.920 đồng.

Việc Cục thi hành án kê biên, xử lý tài sản thế chấp đang do ông H, bà L đứng tên để đảm bảo thi hành án là phù hợp nội dung bản án 03/2015/QĐ-PT ngày 16/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Do đó đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi người được thi hành án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần XI trình bày: Ông Nguyễn Quang H đang dùng tài sản sau đây để đảm bảo khoản vay của doanh nghiệp tư nhân D1 tại ngân hàng gồm:

Quyền sử dụng đất 1.827m² đất thuộc thửa 37, tại xã H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01QSĐĐ do UBND huyện C cấp ngày 30/10/2000.

Quyền sở hữu 1.635,48m² công trình xây dựng tại xã H theo giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số vào sổ Q001/19 do UBND huyện C cấp ngày 09/4/2008.

Liên quan đến khoản tiền hỗ trợ 1.176.810.623 đồng theo quyết định số 11604/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 và quyết định 846/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện C ký là khoản tiền phát sinh từ tài sản là quyền sử dụng đất và nhà máy X2 mà ông H và bà L đã thế chấp tại ngân hàng.

Hiện tại Doanh nghiệp tư nhân D1 vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Ngân hàng nên đề nghị Tòa án giữ nguyên số tiền bồi thường 1.176.810.623 đồng chuyển trả cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện ủy quyền Ngân hàng trình bày: Hợp đồng thế chấp số 73/EIB-MT/TC/2011 ký ngày 24/02/2011 giữa ông Nguyễn Quang H, bà Diệp Lê Hải L với E- Chi nhánh M được Công chứng tại phòng C tỉnh Tiền Giang, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C. Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp số 73/EIB-MT/TC/2011-01 ký ngày 14/02/2012 giữa ông Nguyễn Quang H, bà Diệp Lê Hải L với E- Chi nhánh M được Công chứng tại phòng công chứng số C tỉnh Tiền Giang. Tài sản thế chấp là phần đất có diện tích 1.827m² thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ HTC2 và công trình xây dựng trên đất tại ấp K, xã H. Các tài sản thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của ông H, bà L. Quy trình thủ tục nhận thế chấp tài sản nêu trên là để cấp tín dụng cho doanh nghiệp tư nhân D1 2 vay vốn là đúng qui định. Căn cứ điều 133 Bộ luật dân sự 2015 và điều 36 Nghị định 21/2021/NĐ-CP nên E là bên thứ 3 ngay tình cần được bảo vệ và giao dịch không bị vô hiệu. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của bà O yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01 QSDĐ ngày 30/10/2000 do UBND huyện C cấp cho Nguyễn Quang H; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 82819283900119 ngày 09/4/2008 do UBND huyện C cấp cho Nguyễn Quang H và Diệp Lê Hải L. Đối với số tiền 1.176.810.623 đồng chi trả bồi thường do đường dây cao thế của bà O Ngân hàng không có ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu D, Nguyễn Huy H1, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Cẩm H2, Nguyễn Vĩnh T2, Ủy ban nhân dân huyện C, Ủy ban nhân dân xã H, Phòng C, Ban Q không có lời trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 153/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 612, 613, 614, 616, 617, 618, 623, 649, 650, 651, 656 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; án lệ số 24/2018/AL.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu chia 130.756.736 đồng trong số tiền 1.176.810.623 đồng chi trả bồi thường đường dây điện cao thế của bà Nguyễn Thị O.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà O tuyên bố biên bản phân chia thừa kế quyền sử dụng đất ngày 18/9/2000 của UBND xã H chứng thực ngày 22/9/2000, tờ nhượng quyền hưởng di sản (Cơ sở xây xát P) do Phòng C số 3 tỉnh Tiền Giang lập và chứng thực ngày 18/9/2000 là vô hiệu.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà O tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01 QSDĐ ngày 30/10/2000 do UBND huyện C cấp cho Nguyễn Quang H; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 82819283900119 ngày 09/4/2008 do UBND huyện C cấp cho Nguyễn Quang H và Diệp Lê Hải L.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà O xác định Công trình xây dựng là nhà xưởng có diện tích 1.634,48m² có kết cấu cột bê tông, vách tường, mái tole nằm trên thửa đất số 37 và phần đất có diện tích 1.827m² thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ HTC2, loại đất XD tại ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, số tiền 1.176.810.623 đồng chi trả bồi thường do đường dây cao thế đi qua tài sản là công trình nhà máy X2 tại ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế cụ X và cụ Hằng N1 chết để lại chưa chia.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 21/8/2023, nguyên đơn Nguyễn Thị O có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Ngày 24/8/2023, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu D, Nguyễn Huy H1, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Vĩnh T2, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Cẩm H2 là Nguyễn Huy T3 có đơn kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà O trình bày yêu cầu kháng cáo như sau:

- Tuyên bố vô hiệu biên bản phân chia thừa kế quyền sử dụng đất ngày 18/9/2000 của UBND xã H chứng thực ngày 22/9/2000.

- Tuyên bố vô hiệu tờ nhượng quyền hưởng di sản(Cơ sở xây xát P) do Phòng C số 3 tỉnh Tiền Giang lập và chứng thực ngày 18/9/2000.

- Xác định các tài sản gồm: Công trình xây dựng là khung nhà xưởng có diện tích 1.634,48m² có kết cấu cột bê tông, vách tường, mái tole nằm trên thửa đất số 37 có diện tích 1.827m² thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ HTC2, loại đất

XD tại ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản do cụ Nguyễn Văn X và Nguyễn Thị Hằng N1 chết để lại chưa chia.

- Tuyên hủy các quyết định cá biệt: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01 QSDĐ ngày 30/10/2000 do UBND huyện C cấp cho Nguyễn Quang H; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 82819283900119 ngày 09/4/2008 do UBND huyện C cấp cho Nguyễn Quang H và Diệp Lê Hải L.

- Xác định số tiền 1.176.810.623 đồng chi trả bồi thường do đường dây cao thế đi qua tài sản là công trình nhà máy X2 tại ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang(theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01QSDĐ ngày 30/10//2000, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 82819283900119 ngày 09/4/2008) là di sản thừa kế do cụ X và Hằng N1 chết để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Huy T3 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Luật sư Lê Minh T bảo vệ quyền lợi cho bà O phát biểu quan điểm: Tòa sơ thẩm cho rằng buộc bà O phải biết về việc cha, mẹ cho tài sản ông H là suy đoán chủ quan. Hai văn bản đã được kết luận giám định không phải chữ ký của bà O. Nhà máy do bà H2 đứng tên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bà H2 là người trực tiếp quản lý từ năm 2004. Hai văn bản đã vô hiệu ngay tại thời điểm ký kết nên vô hiệu tại thời điểm công chứng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà O.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Ông H và bà L không chấp hành đúng quy định về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị O và các đương sự Nguyễn Hữu D, Nguyễn Huy H1, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Vĩnh T2, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Cẩm H2 là Nguyễn Huy T3: Các đương sự kháng cáo có căn cứ một phần vì chữ ký trong hai văn bản giám định không phải là của bà O, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà O.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của các đương sự Nguyễn Thị O, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Huy H1, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn T5,

Nguyễn Vĩnh T2, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Cẩm H2, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Xác định di sản thừa kế; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận sở hữu công trình xây dựng; yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng, chứng thực vô hiệu*” là đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 5, 11, 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm của các đương sự Nguyễn Thị O, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Huy H1, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Vĩnh T2, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Cẩm H2 nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Huy T3 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt ông T3 theo khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Vợ chồng cụ Nguyễn Văn X (D) chết ngày 29/4/2000 và Nguyễn Thị Hằng N1 chết năm 2005, không để lại di chúc. Cụ X và cụ N1 có 09 người con gồm: Nguyễn Hữu D, Nguyễn Huy H1, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Cẩm H2, Nguyễn Quang H và Nguyễn Vĩnh T2.

Di sản của cụ X và cụ N1 gồm: thửa đất số 37 có diện tích 1.827m² thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ HTC2, loại đất XD tại ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nhà máy X2 gia công lúa tên D1 nằm trên thửa đất 37.

Sau khi cụ X chết, vào ngày 18/9/2000 cụ N1 và 09 người con là Nguyễn Hữu D, Nguyễn Huy H1, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Cẩm H2, Nguyễn Quang H và Nguyễn Vĩnh T2 (sau đây gọi tắt là các con của hai cụ) lập Biên bản về việc phân chia thừa kế quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân xã H chứng thực chữ ký của các đương sự và ngày 18/9/2000 cụ N1 và các con của hai cụ lập Tờ nhường quyền hưởng di sản (cơ sở xây sát P), được Phòng C tỉnh Tiền Giang chứng thực.

Nội dung Biên bản về việc phân chia thừa kế quyền sử dụng đất như sau: “*...Là những người thuộc diện hưởng thừa kế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn X...Sau khi bàn bạc, chúng tôi thống nhất phân chia thừa kế quyền sử dụng đất phần đất trên như sau:1. Chia cho Nguyễn Quang H được quyền sử*

dụng 3.017m² đất, số tờ bản cầu xéo, số thửa 37 + 71...”

Tờ nhường quyền hưởng di sản (cơ sở xây sát P) có nội dung như sau: “...Nay chúng tôi tuyên bố những quyền di sản do chồng cha chúng tôi có tên và lai lịch ghi trên để lại cho con em chúng tôi Nguyễn Quang H thừa hưởng cơ sở xây sát Phục Hưng từ khi quyền hưởng di sản, Nguyễn Quang H toàn quyền sở hữu nhà máy X3 lúa gia công và kinh doanh lương thực Phục Hưng...”

Ngày 30/10/2020 ông Nguyễn Quang H được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 37, diện tích 1827m².

Ngày 09/4/2008 ông Nguyễn Quang H và bà Diệp Lê Hải L được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận chủ sở hữu nhà xưởng bán kiên cố diện tích là 1.635,48m².

Bà O cho rằng chữ ký trong hai văn bản trên là không phải của bà nên bà kiện và có yêu cầu giám định chữ ký của bà.

Theo Kết luận giám định số 518/GĐ-PC54 (Đ3) ngày 04/9/2015 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: “Chữ ký những người được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất” dòng thứ 6 từ trên xuống vị trí thứ 2 trên “”Biên bản V/v phân chia thừa kế quyền sử dụng đất””, ghi ngày 18/9/2000 (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị O trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2, M3 (ở khung “”Ý kiến của phụ huynh”” trừ chữ ký ở trang 9 trên tài liệu ký hiệu M1), Từ M4 đến M18 không phải do cùng một người ký ra”

Theo Kết luận giám định số 1452/KL-KTHS (Đ2) ngày 09/02/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: “Chữ ký tên Nguyễn Thị O tại trang 2 tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký tên Nguyễn Thị O trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M14 không phải do cùng một người ký ra”. Mẫu cần giám định là Tờ nhường quyền hưởng di sản (cơ sở xây sát P), ký hiệu là A.

Tòa sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O và bà O không đồng ý nên có đơn kháng cáo.

[3]. Xét thấy, thửa đất số 37 và cơ sở xây sát Phục Hưng là tài sản của cụ X và cụ N1. Khi cụ X vào tháng 4 năm 2000 thì đến tháng 9 năm 2000 các người ở hàng thừa kế thứ nhất của cụ X lập Biên bản về việc phân chia thừa kế quyền sử dụng đất và Tờ nhường quyền hưởng di sản (cơ sở xây sát P) cho ông H tài sản này. Tuy nhiên, đối với chữ ký của bà Nguyễn Thị O đã được Phòng K Công an tỉnh T kết luận không phải chữ ký của bà, do đó có cơ sở xác định vô hiệu một phần bà O đối với hai văn bản này.

Tòa sơ thẩm nhận định: “Việc bà O cho rằng không biết việc trên trong khi bà và các anh em bà trước đó không có mâu thuẫn gì với nhau nên việc bà

nói không biết nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh là không có cơ sở...Tuy nhiên, phần quyền sở hữu, sử dụng của bà trong khối di sản bà có quyền khởi kiện ông H để đòi lại..” nên Tòa sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà O.

Nhận thấy, chữ ký trong hai văn bản nêu trên không phải của bà O thì cần phải xem xét vô hiệu một phần đối với hai văn bản đối với bà O nhưng Tòa sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà O là chưa đúng, do đó cần sửa một phần án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà O như sau: Tuyên bố vô hiệu một phần đối với chữ ký của bà Nguyễn Thị O đối với: Biên bản về việc phân chia thừa kế quyền sử dụng đất lập ngày 18/9/2000 và Tờ nhường quyền hưởng di sản (cơ sở xay xát P) lập ngày 18/9/2000.

Xét việc bà O yêu cầu tuyên bố vô hiệu toàn bộ hai văn bản trên là không có căn cứ vì ngoài bà O và ông H thì các những người còn lại trong hàng thừa kế thứ nhất của cụ X là Nguyễn Hữu D, Nguyễn Huy H1, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Cẩm H2, Nguyễn Vĩnh T2 đã được Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án họ không bản tự khai hay đến tòa để trình bày ý kiến gì về việc tranh chấp nên không chứng cứ gì để chứng minh họ không có ký tên tại hai văn bản trên nên xem như họ đã mặc nhiên thừa nhận các chữ ký của họ trong hai văn bản trên. Do hai văn bản trên chỉ vô hiệu một phần đối với bà O nên không cần thiết phải hủy hai văn bản trên và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình mà ông H và bà L.

Xét việc bà O yêu cầu xác định các tài sản gồm: Công trình xây dựng trên đất là khung nhà xưởng có diện tích 1.634,48m² có kết cấu cột bê tông, vách tường, mái tole nằm trên thửa đất số 37 và phần đất có diện tích 1.827m² thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ HTC2, loại đất XD tại ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản do cụ Nguyễn Văn X và Nguyễn Thị Hằng N1 chết để lại chưa chia. Nhận thấy, năm 2000 cụ X chết thì ½ di sản của cụ X đã được phân chia theo sự thỏa thuận của những người ở hàng thừa kế thứ nhất (trừ bà O), ½ của cụ H5 thì cụ H5 cũng đã cho ông H. Như vậy, di sản của cụ X để lại bà O chỉ được hưởng 1/10. Do đó, xác định bà O chỉ có quyền được hưởng 1/10 phần di sản của cụ X.

Đối với số tiền 1.174.810.623 đồng hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, khu nhà máy và kho tại thửa đất số 37. Nhận thấy, do xác định bà O được hưởng 1/10 di sản của cụ X nên số tiền này xác định ½ là của cụ X và bà O sẽ được hưởng 1/10 số tiền di sản của cụ X.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà O là không có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của các đương sự Nguyễn Thị O, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Huy H1, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Vĩnh T2, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Cẩm H2 là Nguyễn Huy T3 là có cơ sở một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự, sửa một phần án sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Ông H và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự Nguyễn Thị O, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Huy H1, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Vĩnh T2, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Cẩm H2 là Nguyễn Huy T3.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 153/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các Điều áp dụng Điều 147, 148, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 612, 613, 614, 616, 617, 618, 623, 649, 650, 651, 656 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O:

- Tuyên bố vô hiệu một phần đối với chữ ký của bà Nguyễn Thị O đối với biên bản phân chia thừa kế quyền sử dụng đất ngày 18/9/2000 của UBND xã H chứng thực ngày 22/9/2000.

- Tuyên bố vô hiệu một phần chữ ký của bà Nguyễn Thị O từ nhượng quyền hưởng di sản(Cơ sở xây sát P) do Phòng C số 3 tỉnh Tiền Giang lập và chứng thực ngày 18/9/2000.

- Xác định 1/2 tài sản công trình xây dựng trên đất là khung nhà xưởng có

diện tích 1.634,48m² có kết cấu cột bê tông, vách tường, mái tole nằm trên thửa đất số 37 và ½ phần đất có diện tích 1.827m² thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ HTC2, loại đất XD tại ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản do cụ Nguyễn Văn X để lại và bà Nguyễn Thị O chỉ có quyền được hưởng 1/10 phần di sản của cụ Nguyễn Văn X.

- Đối với số tiền 1.174.810.623 đồng hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, khu nhà máy và kho tại thửa đất số 37. Xác định ½ là di sản của cụ Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị O chỉ có quyền được hưởng 1/10 số tiền di sản của cụ Nguyễn Văn X.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về việc yêu cầu:

- Tuyên hủy các quyết định cá biệt: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01 QSDĐ ngày 30/10/2000 do UBND huyện C cấp cho Nguyễn Quang H; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 82819283900119 ngày 09/4/2008 do UBND huyện C cấp cho Nguyễn Quang H và Diệp Lê Hải L.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Quang H và bà Diệp Lê Hải L phải chịu 300.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.00 đồng tạm ứng án phí dân sự theo biên lai thu số 0002479 ngày 14/10/2019 . Bà Nguyễn Thị O được hoàn lại 300.00 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0012792 ngày 24/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

H6 lại ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Vĩnh T2, bà Nguyễn Thị Cẩm H2 mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo các biên lai thu số 0012802, 0012804, 0012803, 0012805 ngày 30/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Đoan